

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 37

02
CỔ
H
KIẾ
D
T.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 09 năm 2015.

Ngày 30 tháng 11 năm 2006, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 91/UBCK-GPNY ngày 30/11/2006. Ngày 20 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 820/TTGDHCM-NY ngày 14/12/2006 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 85.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch
Ông Lương Minh Nhật	Thành viên
Ông Võ Xuân Sơn	Thành viên
Ông Trần Đại Hiến	Thành viên
Ông Lê Xuân Diệp	Thành viên
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Hầu Văn Tuấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Vũ Ngọc Phách	Trưởng ban
Ông Phan Đình Trung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đại Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Cao Quang	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN AN THÁI

Số: 16.112HN/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2016 từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



LỘ NGUYỄN THỦY PHƯƠNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1191-2013-026-1



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.661.980.057	88.706.815.905
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.108.966.865	23.977.209.208
1. Tiền	111		4.888.966.865	3.179.209.208
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.220.000.000	20.798.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.209.000.000	4.547.000.000
1. Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	123	5.2	11.209.000.000	4.547.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.561.294.417	30.461.011.111
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	56.204.640.812	31.191.192.577
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		239.800.000	2.506.502.422
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	4.932.669.637	5.383.169.120
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(8.815.816.032)	(8.619.853.008)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	20.634.177.148	29.324.331.186
1. Hàng tồn kho	141		21.215.274.319	30.000.714.040
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(581.097.171)	(676.382.854)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		148.541.627	397.264.400
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	65.900.000	372.834.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.966.195	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	71.675.432	24.430.400
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		92.759.075.944	76.017.894.515
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		881.018.203	716.216.712
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	881.018.203	716.216.712
II. Tài sản cố định	220		89.300.731.759	72.983.294.327
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	88.407.294.162	71.838.192.589
Nguyên giá	222		229.879.891.587	195.218.791.427
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(141.472.597.425)	(123.380.598.838)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	893.437.597	1.145.101.738
Nguyên giá	228		4.679.692.098	4.679.692.098
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.786.254.501)	(3.534.590.360)
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.577.325.982	2.318.383.476
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	2.489.447.312	2.043.380.141
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.14	87.878.670	275.003.335
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		186.421.056.001	164.724.710.420

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		34.436.273.843	23.907.003.401
I. Nợ ngắn hạn	310		34.436.273.843	23.837.003.401
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	9.830.865.951	7.055.751.202
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.905.549.769	1.186.625.482
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	4.013.028.087	3.649.902.245
4. Phải trả người lao động	314		9.139.617.332	7.786.504.230
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.136.225.087	2.273.702.188
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.523.272.163	932.805.710
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	5.000.000.000	-
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		986.500.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		901.215.454	951.712.344
II. Nợ dài hạn	330		-	70.000.000
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	70.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151.984.782.158	140.817.707.019
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	151.984.782.158	140.817.707.019
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		85.000.000.000	85.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21.378.566.720	21.378.566.720
3. Cổ phiếu quỹ	415		(4.372.135.515)	(4.372.135.515)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.550.100.267	17.023.136.271
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		23.053.471.116	14.004.407.157
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.238.452.181	3.749.352.179
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.815.018.935	10.255.054.978
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		9.374.779.570	7.783.732.386
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		186.421.056.001	164.724.710.420

NGƯỜI LẬP

LÊ NAM ĐỒNG
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI DUYỆT



NGUYỄN AN THÁI
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	296.218.039.119	206.726.339.370
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		296.218.039.119	206.726.339.370
3. Giá vốn hàng bán	11	6.2	216.112.151.097	162.576.624.513
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.105.888.022	44.149.714.857
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	905.824.017	1.243.226.983
6. Chi phí tài chính	22		64.003.960	46.162.015
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		31.166.333	-
7. Chi phí bán hàng	25	6.4	10.467.368.115	9.313.707.702
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	29.120.995.571	20.740.192.324
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.359.344.393	15.292.879.799
10. Thu nhập khác	31		784.955.460	690.261.701
11. Chi phí khác	32		375.467.459	1.103.594.171
12. Lợi nhuận khác	40		409.488.001	(413.332.470)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.768.832.394	14.879.547.329
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	8.865.168.605	3.485.996.789
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	187.124.665	(62.351.877)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.716.539.125	11.455.902.417
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		30.058.748.935	10.255.054.978
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.657.790.190	1.200.847.439
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		3.679	1.251
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		3.679	1.251

NGƯỜI LẬP

LÊ NAM ĐỒNG
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI DUYỆT

NGUYỄN AN THÁI
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		41.768.832.394	14.879.547.329
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		19.048.491.860	17.836.580.160
Các khoản dự phòng	03		1.087.177.341	(825.317.486)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(275.660)	(63.108.997)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.001.236.831)	(1.209.402.900)
Chi phí lãi vay	06		31.166.333	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		60.934.155.437	30.618.298.106
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(26.797.708.390)	(11.759.077.791)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		8.785.439.721	2.665.909.851
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.853.277.046	4.123.325.342
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(139.133.171)	2.842.235.892
Tiền lãi vay đã trả	14		(31.166.333)	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.298.423.500)	(2.228.825.042)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(134.165.000)	(179.832.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.172.275.810	26.082.033.360
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(36.475.463.959)	(12.336.164.852)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		551.818.182	165.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(17.229.000.000)	(10.058.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.567.000.000	10.803.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		764.418.649	1.136.290.721
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(41.821.227.128)	(10.289.874.131)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	16.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(11.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21.248.312.250)	(9.852.337.100)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.248.312.250)	(9.852.337.100)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(14.897.263.568)	5.939.822.129
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23.977.209.208	18.024.727.459
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		29.021.225	12.659.620
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70		9.108.966.865	23.977.209.208

NGƯỜI LẬP



LÊ NAM ĐỒNG
Kế toán trưởng

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI DUYỆT




NGUYỄN AN THÁI
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 09 năm 2015.

Ngày 30 tháng 11 năm 2006, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 91/UBCK-GPNY ngày 30/11/2006. Ngày 20 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 820/TTGDHCM-NY ngày 14/12/2006 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 85.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 514 (31/12/2014: 469).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt, san lấp mặt bằng;
- Kinh doanh vận chuyển hàng;
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản;
- Hoạt động xuất nhập khẩu;
- Trồng rừng.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

1.5. Số lượng các công ty con được hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	17B, đường Phù Đổng Thiên Vương, phường 8, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	100%	100%
2.	Công ty Cổ phần Hiệp Thành	Thôn Hiệp Thành I, xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	60,02%	60,02%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong kỳ Tập đoàn đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của các ngân hàng có giao dịch sau:
 - + Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam;
 - + Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
 - + Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại trên.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại trên tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4.2 Áp dụng các Hướng dẫn kế toán mới

Tập đoàn áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

Năm 2015 là năm đầu tiên Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Tập đoàn đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.24.

4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ"

4.6 Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.7 Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến chi phí đền bù, cấp quyền khai thác mỏ, công cụ dụng cụ... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí đền bù, phí cấp quyền khai thác mỏ được phân bổ theo thời gian giấy phép khai thác mỏ từ 04 đến 21 năm.
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 02 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	Năm 2015
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	02 – 16 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 – 12 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
▪ Cây lâu năm và tài sản khác	03 – 07 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại:

- Tại 87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng : đã trích hết khấu hao
- Tại Xí nghiệp Hiệp Tiến: Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.
- Tại Xí nghiệp Thạnh Mỹ: Quyền sử dụng đất có thời hạn 12 năm và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.11 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.12 Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

4.13 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí hoàn nguyên, chi phí sửa chữa... ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.15 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phủ Đồng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.16 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.18 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

4.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.20 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.21 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Xuất khẩu thành phẩm 0%
- Các dịch vụ khác 10%

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.22 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phủ Đồng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

4.23 Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

4.24 Số liệu so sánh

Như trình bày tại mục 4.2, từ năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một số số liệu của bảng cân đối hợp nhất ngày 31/12/2014, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014 đã được báo cáo lại, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (trích):

	Đầu năm	VND Đầu năm
	Được báo cáo lại	Đã được báo cáo trước đây
Phải thu ngắn hạn khác	5.383.169.120	4.757.376.865
Tài sản ngắn hạn khác	-	625.792.255
Phải thu dài hạn khác	716.216.712	-
Tài sản dài hạn khác	-	716.216.712

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (trích):

	Năm trước	VND Năm trước
	Được báo cáo lại	Đã được báo cáo trước đây
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	206.726.339.370	208.050.277.811
Các khoản giảm trừ	-	(1.323.938.441)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	206.726.339.370	206.726.339.370
Lãi cơ bản trên cổ phần	1.251	1.257

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (trích):

	Năm trước Được báo cáo lại	VND Năm trước Đã được báo cáo trước đây
Tăng giảm các khoản phải thu	(11.759.077.791)	(11.718.942.800)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(179.832.998)	(219.967.989)

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ915/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong việc phân loại lại một số khoản mục trong báo cáo tài chính. Đối với lãi cơ bản trên cổ phiếu được báo cáo lại là do được tính trên lợi nhuận sau thuế sau khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi (trước đây là lợi nhuận sau thuế trước khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền mặt	303.024.625	172.161.355
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.585.942.240	3.007.047.853
Các khoản tương đương tiền	4.220.000.000	20.798.000.000
Cộng	9.108.966.865	23.977.209.208

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

5.3. Phải thu của khách hàng

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	11.928.499.900	-
Các khách hàng khác	44.276.140.912	31.191.192.577
Cộng	56.204.640.812	31.191.192.577

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 9:

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủ Lợi Lâm Đồng	2.736.576.051	1.649.737.200
Cộng	2.736.576.051	1.649.737.200

5.4. Phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Ngắn hạn:					
Phải thu mảng xây lắp	4.425.873.866	(4.425.873.866)	4.425.873.866	(4.425.873.866)	
Tạm ứng	257.765.933	-	625.792.255	-	
Phải thu khác	249.029.838	(73.049.159)	331.502.999	(38.204.650)	
Cộng	4.932.669.637	(4.498.923.025)	5.383.169.120	(4.464.263.516)	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	881.018.203	-	716.216.712	-
Cộng	881.018.203	-	716.216.712	-

5.5. Nợ xấu

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn	4.530.073.799	213.180.792	4.208.839.836	53.250.344	
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.498.923.025	-	4.464.263.516	-	
Cộng	9.028.996.824	213.180.792	8.673.103.352	53.250.344	

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì một số khách hàng không thể liên lạc và một số khách hàng đang tranh chấp.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Đầu năm			VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn	4.530.073.799	213.180.792	Từ 1 - 3 năm	4.208.839.836	53.250.344	Từ 2 - 3 năm	
Tổng giá trị các khoản phải thu khác quá hạn	4.498.923.025	-	Trên 3 năm	4.464.263.516	-	Trên 3 năm	
Cộng	9.028.996.824	213.180.792		8.673.103.352	53.250.344		

5.6. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	7.051.378.739	-	11.370.604.242	-	
Công cụ, dụng cụ	261.527.938	-	385.120.213	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	864.816.785	-	2.421.217.594	-	
Thành phẩm	11.214.840.302	(581.097.171)	14.196.173.900	(676.382.854)	
Hàng hóa	1.822.710.555	-	1.627.598.091	-	
Cộng	21.215.274.319	(581.097.171)	30.000.714.040	(676.382.854)	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phủ Đồng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định khác	VND
							Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	53.482.114.498	110.182.389.431	30.091.797.861	625.469.879	520.611.939	316.407.819	195.218.791.427
Mua trong năm	783.264.749	8.247.140.908	26.650.523.635	-	-	-	35.680.929.292
Thanh lý, nhượng bán	-	(630.000.000)	(389.829.132)	-	-	-	(1.019.829.132)
Số dư cuối năm	54.265.379.247	117.799.530.339	56.352.492.364	625.469.879	520.611.939	316.407.819	229.879.891.587
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	30.259.259.730	73.500.315.933	18.445.727.797	434.162.560	441.962.865	299.169.953	123.380.598.838
Khấu hao trong năm	2.515.691.593	10.393.743.262	5.717.879.174	90.667.092	61.608.732	17.237.866	18.796.827.719
Thanh lý, nhượng bán	-	(315.000.000)	(389.829.132)	-	-	-	(704.829.132)
Số dư cuối năm	32.774.951.323	83.579.059.195	23.773.777.839	524.829.652	503.571.597	316.407.819	141.472.597.425
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	23.222.854.768	36.682.073.498	11.646.070.064	191.307.319	78.649.074	17.237.866	71.838.192.589
Tại ngày cuối năm	21.490.427.924	34.220.471.144	32.578.714.525	100.640.227	17.040.342	-	88.407.294.162

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 65.807.952.302 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chi phí thăm dò hầm mỏ	Phần mềm máy vi tính	VND
				Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.634.797.000	2.528.795.098	516.100.000	4.679.692.098
Số dư cuối năm	1.634.797.000	2.528.795.098	516.100.000	4.679.692.098
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.120.786.000	2.194.737.582	219.066.778	3.534.590.360
Khấu hao trong năm	-	137.870.808	113.793.333	251.664.141
Số dư cuối năm	1.120.786.000	2.332.608.390	332.860.111	3.786.254.501
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	514.011.000	334.057.516	297.033.222	1.145.101.738
Tại ngày cuối năm	514.011.000	196.186.708	183.239.889	893.437.597

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.995.131.520 VND.

5.9. Chi phí trả trước

Ngắn hạn:	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí đền bù, bóc phủ	65.900.000	372.834.000
Cộng	65.900.000	372.834.000
Dài hạn:		
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	1.532.891.585	491.778.006
Chi phí xây dựng trạm bê tông	-	402.783.733
Chi phí sửa chữa	-	1.148.818.402
Chi phí đền bù	947.283.000	-
Các khoản khác	9.272.727	-
Cộng	2.489.447.312	2.043.380.141

Trong đó các khoản chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phí cấp quyền khai thác mỏ Tam Bô	78.265.934	39.132.967
Phí cấp quyền khai thác mỏ Thạnh Mỹ	209.005.000	313.507.500
Phí cấp quyền khai thác mỏ Cam Ly	278.275.077	139.137.539
Phí cấp quyền khai thác mỏ Đa Quý	514.864.622	-
Phí cấp quyền khai thác mỏ Lộc Tân	(196.795.478)	-
Phí cấp quyền khai thác mỏ Nthon Hạ	208.286.430	-
Phí cấp quyền khai thác mỏ Tutra	440.990.000	-
Cộng	1.532.891.585	491.778.006

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phủ Đồng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

5.10. Vay ngắn hạn

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	
Vay ngắn hạn Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng – Xem thêm mục 9	5.000.000.000	5.000.000.000	12.000.000.000	7.000.000.000	-	-	
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000	16.000.000.000	11.000.000.000	-	-	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
 Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

5.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	1.123.197.482	1.123.197.482	437.690.000	437.690.000	
Phải trả cho các đối tượng khác	8.707.668.469	8.707.668.469	6.618.061.202	6.618.061.202	
Cộng	9.830.865.951	9.830.865.951	7.055.751.202	7.055.751.202	
Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 9:					
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	1.123.197.482	1.123.197.482	437.690.000	437.690.000	
Cộng	1.123.197.482	1.123.197.482	437.690.000	437.690.000	

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	VND
				Cuối năm
Phải nộp:				
Thuế GTGT	861.969.868	7.846.438.974	7.330.270.811	1.378.138.031
Thuế TNDN	1.632.774.725	8.417.247.937	7.738.691.925	2.311.330.737
Thuế TNCN	89.081.705	523.417.143	544.186.818	68.312.030
Thuế tài nguyên	777.594.415	2.282.703.420	2.933.938.440	126.359.395
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	63.302.932	1.436.144.396	1.432.202.764	67.244.564
Các loại thuế khác	225.178.600	796.356.028	959.891.298	61.643.330
Cộng	3.649.902.245	21.302.307.898	20.939.182.056	4.013.028.087
Phải thu:				
Thuế TNDN	-	512.486.543	559.731.575	47.245.032
Thuế tài nguyên	22.903.500	-	-	22.903.500
Các khoản phí, lệ phí	1.526.900	-	-	1.526.900
Cộng	24.430.400	447.628.374	559.731.575	71.675.432

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON
Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

5.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối năm	VND Đầu năm
Trích trước chi phí hoàn nguyên môi trường	881.018.203	716.216.712
Trích trước chi phí cấp quyền khai thác mỏ	-	1.526.410.928
Các khoản trích trước khác	255.206.884	31.074.548
Cộng	1.136.225.087	2.273.702.188

5.14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Cuối năm	VND Đầu năm
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	87.878.670	275.003.335

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

5.15. Vốn chủ sở hữu**5.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối và các quỹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	15.977.228.854	13.066.183.037	8.439.361.143	139.489.204.239
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	10.255.054.978	1.200.847.439	11.455.902.417
Biến động từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	(1.856.476.196)	(1.856.476.196)
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	862.425.704	(862.425.704)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(48.714.270)	-	(48.714.270)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.321.727.100)	-	(8.321.727.100)
Tăng giảm khác	-	-	-	183.481.713	(83.963.784)	-	99.517.929
Số dư đầu năm nay	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	17.023.136.271	14.004.407.157	7.783.732.386	140.817.707.019
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	30.058.748.935	2.657.790.190	32.716.539.124
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.393.750.000)	(1.007.480.000)	(21.401.230.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	526.963.996	(526.963.996)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(50.218.132)	(33.449.979)	(83.668.111)
Giảm khác	-	-	-	-	(38.752.848)	(25.813.027)	(64.565.875)
Số dư cuối năm nay	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	17.550.100.267	23.053.471.116	9.374.779.570	151.984.782.158

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

5.15.2. Chi tiết vốn góp của cổ đông

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	
Tổ chức trong nước	61,0%	51.881.120.000	61,0%	51.886.580.000	
Tổ chức nước ngoài	2,9%	2.485.900.000	0,3%	248.000.000	
Cá nhân trong nước	34,6%	29.406.890.000	37,7%	32.025.870.000	
Cá nhân nước ngoài	1,4%	1.226.090.000	1,0%	839.550.000	
Tổng cộng	100%	85.000.000.000	100%	85.000.000.000	

5.15.3. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(342.500)	(342.500)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.157.500	8.157.500
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.15.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	30.058.748.935	10.255.054.978
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(50.218.132)	(47.445.471)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	8.157.500	8.157.500
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	3.679	1.251

5.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	16.934,94	21.079,66
	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý:	3.060.379.921	3.060.379.921

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu bán than, bentonite và giao khoán mỏ	536.543.990	579.580.179
Doanh thu gồm sự nhiệt	34.071.371.178	33.726.421.203
Doanh thu gạch	68.831.383.144	56.384.107.871
Doanh thu cao lanh	40.751.229.604	29.450.150.580
Doanh thu bê tông	152.027.511.203	86.233.844.157
Doanh thu dịch vụ	-	352.235.380
Cộng	296.218.039.119	206.726.339.370
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 9: Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	5.606.634.312	1.565.739.501
Cộng	5.606.634.312	1.565.739.501

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của hàng đã bán		
Giá vốn than, bentonite và giao khoán mỏ	776.527.044	4.051.720.126
Giá vốn gồm sự nhiệt	23.271.550.847	24.429.517.810
Giá vốn gạch	52.104.486.057	45.325.079.099
Giá vốn cao lanh	28.169.948.585	24.094.778.306
Giá vốn bê tông	111.884.924.247	64.632.961.591
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	-	207.028.020
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(95.285.683)	(164.460.439)
Cộng	216.112.151.097	162.576.624.513

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi	764.418.649	1.136.290.721
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	140.196.357	42.351.215
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	275.660	63.948.362
Doanh thu hoạt động tài chính khác	933.351	636.685
Cộng	905.824.017	1.243.226.983

6.4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nhân viên	4.911.610.565	2.584.903.219
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	1.446.779.374	1.932.044.681
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.272.727	46.965.314
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.074.776.625	2.194.142.245
Chi phí dịch vụ mua ngoài	816.332.522	1.539.561.244
Chi phí bằng tiền khác	1.208.596.302	1.016.090.999
Cộng	10.467.368.115	9.313.707.702

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	18.028.021.740	13.108.740.878
Chi phí vật liệu quản lý	1.140.067.276	1.508.402.313
Chi phí đồ dùng văn phòng	845.963.569	1.053.065.933
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.527.129.825	1.104.487.990
Thuế, phí và lệ phí	1.579.602.759	663.464.632
Chi phí dự phòng	230.043.024	(660.857.047)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.047.437.180	980.317.650
Chi phí bằng tiền khác	4.722.730.198	2.982.569.975
Cộng	29.120.995.571	20.740.192.324

6.6. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	125.400.152.491	79.776.737.858
Chi phí nhân công	54.933.719.510	44.847.479.969
Chi phí khấu hao TSCĐ	19.048.491.860	17.836.580.160
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.152.572.551	36.209.122.076
Chi phí bằng tiền khác	12.822.956.428	10.396.488.987
Cộng	251.357.892.840	189.066.409.050

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	41.768.832.394	14.879.547.329
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	337.588.307	978.552.240
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.810.199.769)	(12.659.620)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	40.296.220.932	15.845.439.949
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.865.168.605	3.485.996.789

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: các khoản phạt vi phạm hành chính và phần chi phí khấu hao vượt mức quy định.

Các khoản điều chỉnh giảm là chi phí thanh lý TSCĐ đã tính thuế ở năm trước...

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại của Tập đoàn và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

			VND
	Lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho	Khấu hao TSCĐ	Cộng
Số dư đầu năm trước	(171.373.680)	(41.277.778)	(212.651.458)
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh năm trước	(75.518.544)	13.166.667	(62.351.877)
Số dư đầu năm nay	(246.892.224)	(28.111.111)	(275.003.335)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	179.791.331	7.333.334	187.124.665
Số dư cuối kỳ này	(67.100.892)	(20.777.777)	(87.878.670)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

Là khoản tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Là khoản tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh vật liệu xây dựng; giao khoán và khai thác mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh gốm sứ chịu lửa;
- Khai thác và chế biến cao lanh;
- Khai thác đá và sản xuất bê tông chịu lực;
- Sản xuất gạch Tuynel;
- Dịch vụ vận chuyển, bơm bê tông.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Chỉ tiêu	<u>Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ</u>	<u>Gồm sử chịu lửa</u>	<u>Gạch</u>	<u>Cao lanh</u>	<u>Đá, bê tông</u>	<u>Loai trừ</u>	<u>Tổng cộng</u>
Doanh thu thuần	40.166.459.092	34.071.371.178	68.831.383.144	40.173.511.425	152.027.511.203	(39.052.196.923)	296.218.039.119
GVHB	37.508.600.730	23.271.550.847	52.104.486.057	29.887.818.962	113.309.124.748	(39.969.430.247)	216.112.151.097
Lãi gộp	2.657.858.362	10.799.820.331	16.726.897.087	10.285.692.463	38.718.386.455	917.233.324	80.105.888.022
Chi phí bán hàng	44.579.710	1.197.173.916	1.346.253.416	626.594.499	7.252.766.574	-	10.467.368.115
Chi phí QLDN	1.751.899.757	3.408.355.912	4.767.095.597	4.018.788.222	15.208.189.419	(33.333.336)	29.120.995.571
Lợi nhuận từ HĐ bán hàng	861.378.895	6.194.290.503	10.613.548.074	5.640.309.742	16.257.430.462	950.566.660	40.517.524.336
Doanh thu tài chính	3.614.054.442	90.312	389.224.142	1.996.891	24.282	(3.099.566.052)	905.824.017
Chi phí tài chính	52.708.029	6.970.429	-	4.325.502	-	-	64.003.960
Lợi nhuận HĐ tài chính	3.561.346.413	(6.880.117)	389.224.142	(2.328.611)	24.282	(3.099.566.052)	841.820.057
Thu nhập khác	453.068.445	167.183.394	257.014.819	1.906.793	5.782.009	(100.000.000)	784.955.460
Chi phí khác	317.025.540	1.749.587	70.303.031	1.182.870	(14.793.569)	-	375.467.459
Lợi nhuận khác	136.042.905	165.433.807	186.711.788	723.923	20.575.578	(100.000.000)	409.488.001
Tổng lợi nhuận trước thuế	4.558.768.213	6.352.844.193	11.189.484.004	5.638.705.054	16.278.030.322	(2.248.999.392)	41.768.832.394
Chi phí thuế TNDN							8.865.168.605
Chi phí thuế hoãn lại							187.124.665
Lợi nhuận sau thuế							32.716.539.125
Lợi ích cổ đông thiểu số							2.657.790.190
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ							30.058.748.935

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Chỉ tiêu	<u>Kinh doanh VLXD và khai thác mỏ</u>	<u>Gồm sử chịu lửa</u>	<u>Gạch</u>	<u>Cao lanh</u>	<u>Đá, bê tông</u>	<u>Loại trừ</u>	<u>Tổng cộng</u>
Doanh thu thuần	33.497.368.676	33.829.503.784	56.386.220.598	29.455.846.077	86.596.610.067	(33.039.209.832)	206.726.339.370
GVHB	35.097.859.615	24.489.393.557	45.327.191.826	25.173.862.956	65.184.350.289	(32.696.033.730)	162.576.624.513
Lãi gộp	(1.600.490.939)	9.340.110.227	11.059.028.772	4.281.983.121	21.412.259.778	(343.176.102)	44.149.714.857
Chi phí bán hàng	71.849.679	1.383.857.068	1.059.582.002	535.198.677	6.263.220.276	-	9.313.707.702
Chi phí QLDN	1.091.114.888	3.453.557.233	4.381.390.391	3.007.063.033	8.840.400.112	(33.333.333)	20.740.192.324
Lợi nhuận từ HĐ bán hàng	(2.763.455.506)	4.502.695.926	5.618.056.379	739.721.411	6.308.639.390	(309.842.769)	14.095.814.831
Doanh thu tài chính	3.350.609.566	51.092.333	508.412.256	673.102	-	(2.667.560.274)	1.243.226.983
Chi phí tài chính	44.138.651	38.892	-	1.984.472	-	-	46.162.015
Lợi nhuận HĐ tài chính	3.306.470.915	51.053.441	508.412.256	(1.311.370)	-	(2.667.560.274)	1.197.064.968
Thu nhập khác	15.656.582	4.033.419	432.409.282	5.024.002	233.138.416	-	690.261.701
Chi phí khác	782.604.473	104	148.126.890	14.789.761	158.072.943	-	1.103.594.171
Lợi nhuận khác	(766.947.891)	4.033.315	284.282.392	(9.765.759)	75.065.473	-	(413.332.470)
Tổng lợi nhuận trước thuế	(223.932.482)	4.557.782.682	6.410.751.027	728.644.282	6.383.704.863	(2.977.403.043)	14.879.547.329
Chi phí thuế TNDN							3.485.996.789
Chi phí thuế hoãn lại							(62.351.877)
Lợi nhuận sau thuế							11.455.902.417
Lợi ích cổ đông thiểu số							1.200.847.439
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ							10.255.054.978

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

	Trong nước		Nước ngoài		Loại trừ		Tổng cộng		VND
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
	Doanh thu								
Từ khách hàng bên ngoài	258.435.121.240	167.827.875.248	37.782.917.879	38.898.464.122	-	-	296.218.039.119	206.726.339.370	
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	
Cộng	258.435.121.240	167.827.875.248	37.782.917.879	38.898.464.122	-	-	296.218.039.119	206.726.339.370	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
Tài sản bộ phận	213.706.785.240	187.073.099.646	180.451.296	357.975.080	(27.554.059.205)	(22.981.367.640)	186.333.177.331	164.449.707.085	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	87.878.670	275.003.335	87.878.670	275.003.335	
Tổng tài sản	213.706.785.240	187.073.099.646	180.451.296	357.975.080	(27.466.180.535)	(22.706.364.305)	186.421.056.001	164.724.710.420	
Chi phí mua sắm TSCĐ	(36.475.463.959)	(12.336.164.852)	-	-	-	-	(36.475.463.959)	(12.336.164.852)	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ Phần Hiệp Thành	Công ty con
3. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con
4. Ông Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT
5. Ông Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải thu khách hàng – Xem thêm mục 5.3:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	2.736.576.051	1.649.737.200
Cộng	2.736.576.051	1.649.737.200

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.11:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	(1.123.197.482)	(437.690.000)
Cộng	(1.123.197.482)	(437.690.000)

	Cuối năm	VND Đầu năm
Vay – Xem thêm mục 5.10:		
Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	(5.000.000.000)	-
Cộng	(5.000.000.000)	-

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Bán hàng và cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 6.1:		
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	5.606.634.312	1.565.739.501
Cộng	5.606.634.312	1.565.739.501

	Năm nay	VND Năm trước
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	2.656.839.295	-
Cộng	2.656.839.295	-

	Năm nay	VND Năm trước
Vay – Xem thêm mục 5.10		
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng	12.000.000.000	-
Cộng	12.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	734.400.000	903.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.903.830.000	1.018.482.112
Cộng	2.638.230.000	1.921.482.112

10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Tập đoàn có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Tập đoàn.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Tập đoàn có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Tập đoàn có thể có các rủi ro thị trường sau:
 - + Rủi ro lãi suất
 - + Rủi ro tiền tệ
 - + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Tập đoàn đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Tập đoàn. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Tập đoàn. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;

- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Tập đoàn có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Giá trị ghi sổ		VND
	31/12/2015	01/01/2015	
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.108.966.865	23.977.209.208	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.944.746.687	28.044.933.146	
Đầu tư ngắn hạn	11.209.000.000	4.547.000.000	
Tổng cộng	73.262.713.552	56.569.142.354	
Công nợ tài chính			
Phải trả người bán và phải trả khác	9.830.865.951	7.055.751.202	
Vay	5.000.000.000	-	
Chi phí phải trả	1.136.225.087	2.273.702.188	
Tổng cộng	15.967.091.038	9.329.453.390	

Rủi ro tín dụng

Tập đoàn kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Tập đoàn đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Tập đoàn có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

	31/12/2015	31/12/2014	VND
	Tiền và các khoản tương đương tiền	9.108.966.865	23.977.209.208
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.944.746.687	28.044.933.146	
Cộng	62.053.713.552	52.022.142.354	

Tập đoàn không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu.

Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp. Thuyết minh 5.5 cung cấp những phân tích về phòng phải thu khó đòi.

Rủi ro thanh khoản

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	VND		
	Vay và nợ	Nợ phải trả	Cộng
Dưới 01 năm	5.000.000.000	10.967.091.038	15.967.091.038
Số dư ngày 31/12/2015	5.000.000.000	10.967.091.038	15.967.091.038
			VND
	Vay và nợ	Nợ phải trả	Cộng
Dưới 01 năm	-	9.329.453.390	9.329.453.390
Số dư ngày 01/01/2015	-	9.329.453.390	9.329.453.390

Tập đoàn dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Tập đoàn dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Tập đoàn đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VLXD LÂM ĐỒNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất.

	Năm 2015	Năm 2014	VND
Nợ tài chính:			
Theo lãi suất thả nổi	5.000.000.000	-	

Để quản lý rủi ro về lãi suất, Tập đoàn duy trì một cơ cấu hợp lý giữa lãi suất thả nổi và lãi suất cố định.

Phân tích độ nhạy cảm

Phân tích này được thực hiện đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi. Ban Giám đốc đánh giá rằng một khoản thay đổi về lãi suất là 1% có thể xảy ra vào cuối năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016. Ảnh hưởng về thay đổi lãi suất đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi, nếu đã xảy ra vào cuối niên độ hiện hành, đã được đánh giá về mặt thay đổi dòng tiền và chi phí và đã được định lượng như sau:

Một khoản tăng hoặc giảm 1% lãi suất sẽ tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế là 40.000.000 VND.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 03 năm 2016.

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP



LÊ NAM ĐÔNG
Kế toán trưởng

NGƯỜI DUYỆT



NGUYỄN AN THÁI
Tổng Giám đốc